

PHÒNG GD & ĐT HUYỆN NHÀ BÈ
THCS NGUYỄN BÌNH KHIÊM
LỚP: 8A6
GVCN: Nguyễn Duy Phúc

**BẢNG TỔNG HỢP ĐTB, HẠNH KIỂM, HỌC LỰC, DANH HIỆU
CẢ NĂM - NĂM HỌC 2018-2019**

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
1	Bùi Đức Anh	HK1	7.7 ₂₉	9.0 ₁₁	9.3 ₁₂	9.1 ₁₈	9.4 ₁₀	9.3 ₃₀	7.9 ₁₆	8.3 ₃₀	9.9 ₁	9.7 ₃	9.5 ₁₃	Đ	Đ	Đ	9.0 ₁₂	1 0	G	T	12	GIOI	
		HK2	8.3 ₂₉	9.0 ₇	9.7 ₁₁	8.6 ₁₆	9.3 ₃₉	9.6 ₁₉	8.2 ₂₀	8.4 ₄₃	9.9 ₁	9.7 ₂	9.8 ₂	Đ	Đ	Đ	9.1 ₁₂	0 0	G	T	12	GIOI	
		CN	8.1 ₂₇	9.0 ₈	9.6 ₉	8.8 ₁₇	9.3 ₃₁	9.5 ₁₈	8.1 ₂₀	8.4 ₄₁	9.9 ₁	9.7 ₂	9.7 ₃	Đ	Đ	Đ	9.1 ₉	1 0	G	T	9	GIOI	L
2	Bùi Thị Trâm Anh	HK1	6.4 ₅₁	6.0 ₄₈	8.1 ₃₅	6.4 ₄₉	9.2 ₂₁	9.6 ₁₂	6.6 ₄₈	9.1 ₄	8.2 ₃₃	7.3 ₄₈	7.6 ₄₆	Đ	Đ	Đ	7.7 ₄₅	0 0	Tb	T	51		
		HK2	7.7 ₄₅	6.9 ₄₇	8.1 ₃₉	5.7 ₅₀	9.7 ₈	9.4 ₂₇	6.9 ₅₂	9.3 ₉	7.1 ₄₆	6.4 ₄₈	8.1 ₃₉	Đ	Đ	Đ	7.8 ₄₅	0 0	K	T	45	TT	
		CN	7.3 ₄₆	6.6 ₄₇	8.1 ₃₈	5.9 ₅₀	9.5 ₁₂	9.5 ₁₈	6.8 ₅₂	9.2 ₇	7.5 ₄₃	6.7 ₄₈	7.9 ₄₃	Đ	Đ	Đ	7.7 ₄₅	0 0	K	T	45	TT	L
3	Nguyễn Hoàng Thuỳ Anh	HK1	8.1 ₁₁	8.9 ₁₅	9.3 ₁₂	9.2 ₁₄	9.2 ₂₁	9.6 ₁₂	8.3 ₁₄	9.0 ₈	9.5 ₇	9.3 ₈	9.5 ₁₃	Đ	Đ	Đ	9.1 ₉	1 0	G	T	9	GIOI	
		HK2	8.9 ₁₀	8.8 ₁₂	9.7 ₁₁	9.2 ₉	9.8 ₁	9.9 ₁	8.9 ₁	9.3 ₉	9.0 ₁₅	8.3 ₂₀	9.4 ₁₀	Đ	Đ	Đ	9.2 ₇	0 0	G	T	7	GIOI	
		CN	8.6 ₁₁	8.8 ₁₄	9.6 ₉	9.2 ₁₁	9.6 ₇	9.8 ₂	8.7 ₂	9.2 ₇	9.2 ₁₃	8.6 ₁₆	9.4 ₈	Đ	Đ	Đ	9.2 ₇	1 0	G	T	7	GIOI	L
4	Nguyễn Lâm Anh	HK1	7.8 ₂₂	9.0 ₁₁	9.3 ₁₂	8.6 ₂₆	9.1 ₂₈	9.8 ₂	8.6 ₆	8.3 ₃₀	9.1 ₁₉	9.1 ₁₀	9.0 ₂₄	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₅	0 0	G	T	15	GIOI	
		HK2	8.1 ₃₃	8.6 ₂₀	8.5 ₃₄	7.2 ₃₉	9.6 ₁₉	9.4 ₂₇	8.4 ₁₂	8.8 ₃₆	9.1 ₁₃	9.1 ₆	8.5 ₃₆	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₃	0 0	G	T	23	GIOI	
		CN	8.0 ₃₁	8.7 ₁₈	8.8 ₂₄	7.7 ₃₂	9.4 ₂₁	9.5 ₁₈	8.5 ₇	8.6 ₃₄	9.1 ₁₅	9.1 ₆	8.7 ₃₀	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₃	0 0	G	T	23	GIOI	L
5	Nguyễn Minh Anh	HK1	7.9 ₁₇	9.3 ₆	8.5 ₃₀	9.0 ₂₁	9.3 ₁₄	9.5 ₂₃	8.7 ₅	9.1 ₄	8.5 ₂₆	8.0 ₃₅	9.2 ₂₂	Đ	Đ	Đ	8.8 ₁₇	0 0	G	T	17	GIOI	
		HK2	8.5 ₂₀	9.2 ₃	9.7 ₁₁	8.2 ₂₂	9.5 ₂₇	9.7 ₁₂	8.3 ₁₅	9.7 ₁	8.3 ₂₅	7.1 ₃₇	9.0 ₁₉	Đ	Đ	Đ	8.8 ₂₀	0 0	G	T	20	GIOI	
		CN	8.3 ₁₈	9.2 ₅	9.3 ₁₈	8.5 ₂₀	9.4 ₂₁	9.6 ₁₄	8.4 ₁₀	9.5 ₁	8.4 ₂₃	7.4 ₃₆	9.1 ₁₉	Đ	Đ	Đ	8.8 ₁₈	0 0	G	T	18	GIOI	L
6	Trần Trâm Anh	HK1	7.1 ₄₄	4.0 ₅₃	7.1 ₅₁	5.7 ₅₂	8.8 ₄₀	7.6 ₅₀	7.0 ₄₄	6.9 ₅₂	7.9 ₄₁	7.0 ₅₃	8.1 ₃₈	Đ	Đ	Đ	7.0 ₅₂	1 0	Tb	K	52		
		HK2	7.2 ₅₀	5.7 ₅₂	6.3 ₅₁	5.4 ₅₁	8.9 ₄₇	9.5 ₂₄	7.2 ₄₈	6.9 ₅₂	7.9 ₃₁	6.0 ₅₁	8.1 ₃₉	Đ	Đ	Đ	7.2 ₅₁	0 0	K	K	51	TT	
		CN	7.2 ₄₉	5.1 ₅₂	6.6 ₅₁	5.5 ₅₁	8.9 ₄₆	8.9 ₄₂	7.1 ₄₉	6.9 ₅₂	7.9 ₃₁	6.3 ₅₂	8.1 ₄₁	Đ	Đ	Đ	7.1 ₅₁	1 0	K	K	51	TT	L
7	Trần Tuấn Anh	HK1	7.1 ₄₄	7.4 ₄₂	8.1 ₃₅	6.3 ₅₀	8.0 ₅₁	8.8 ₃₉	7.6 ₂₈	7.4 ₅₀	8.2 ₃₃	7.1 ₅₀	6.9 ₅₁	Đ	Đ	Đ	7.5 ₄₇	0 0	K	T	46	TT	
		HK2	8.0 ₃₈	7.5 ₄₃	7.4 ₄₈	6.6 ₄₅	8.8 ₄₈	9.2 ₃₆	7.6 ₃₉	7.9 ₄₇	7.6 ₃₆	6.1 ₅₀	7.9 ₄₆	Đ	Đ	Đ	7.7 ₄₈	0 0	K	T	48	TT	
		CN	7.7 ₄₀	7.5 ₄₂	7.6 ₄₆	6.5 ₄₆	8.5 ₅₀	9.1 ₃₇	7.6 ₃₆	7.7 ₅₀	7.8 ₃₃	6.4 ₅₁	7.6 ₄₈	Đ	Đ	Đ	7.6 ₄₉	0 0	K	T	49	TT	L
8	Lê Văn Bắc	HK1	7.6 ₃₁	7.6 ₃₈	8.4 ₃₁	7.2 ₄₁	9.3 ₁₄	9.6 ₁₂	7.7 ₂₅	7.6 ₄₇	8.4 ₂₈	7.8 ₄₀	8.3 ₃₆	Đ	Đ	Đ	8.1 ₃₅	0 0	K	T	36	TT	
		HK2	8.4 ₂₆	8.0 ₃₇	8.4 ₃₅	7.6 ₃₁	9.2 ₄₂	9.2 ₃₆	7.8 ₂₈	9.3 ₉	7.6 ₃₆	6.9 ₄₀	9.0 ₁₉	Đ	Đ	Đ	8.3 ₃₃	0 0	G	T	32	GIOI	
		CN	8.1 ₂₇	7.9 ₃₉	8.4 ₃₄	7.5 ₃₅	9.2 ₃₆	9.3 ₃₂	7.8 ₂₆	8.7 ₂₈	7.9 ₃₁	7.2 ₃₉	8.8 ₂₈	Đ	Đ	Đ	8.3 ₃₂	0 0	G	T	32	GIOI	L
9	Trần Quốc Bình	HK1	6.0 ₅₃	5.9 ₅₀	4.9 ₅₃	5.6 ₅₃	7.9 ₅₂	7.5 ₅₁	6.5 ₄₉	8.1 ₄₀	5.0 ₅₃	7.1 ₅₀	7.3 ₅₀	Đ	Đ	Đ	6.5 ₅₃	0 0	Tb	K	53		
		HK2	7.5 ₄₇	5.8 ₅₁	4.6 ₅₂	5.0 ₅₂	7.2 ₅₂	7.5 ₅₂	7.7 ₃₈	7.9 ₄₇	5.5 ₅₂	6.6 ₄₆	7.4 ₅₂	Đ	Đ	Đ	6.6 ₅₂	0 0	Tb	K	52		
		CN	7.0 ₅₁	5.8 ₅₁	4.7 ₅₂	5.2 ₅₂	7.4 ₅₂	7.5 ₅₂	7.3 ₄₂	8.0 ₄₇	5.3 ₅₂	6.8 ₄₆	7.4 ₅₁	Đ	Đ	Đ	6.6 ₅₂	0 0	Tb	K	52		L
10	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	HK1	7.3 ₃₉	7.7 ₃₅	7.5 ₄₇	7.6 ₄₀	9.2 ₂₁	9.3 ₃₀	7.1 ₄₀	7.9 ₄₄	7.7 ₄₄	8.2 ₃₁	6.1 ₅₃	Đ	Đ	Đ	7.8 ₄₃	0 0	K	T	43	TT	
		HK2	8.6 ₁₆	8.3 ₂₅	8.7 ₃₀	7.4 ₃₃	9.5 ₂₇	7.6 ₅₁	8.2 ₂₀	8.9 ₂₉	8.6 ₂₁	7.6 ₃₀	8.5 ₃₆	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₈	1 0	G	T	27	GIOI	
		CN	8.2 ₂₄	8.1 ₃₁	8.3 ₃₇	7.5 ₃₅	9.4 ₂₁	8.2 ₅₁	7.8 ₂₆	8.6 ₃₄	8.3 ₂₆	7.8 ₃₁	7.7 ₄₆	Đ	Đ	Đ	8.2 ₃₅	1 0	G	T	34	GIOI	L
11	Phạm Hoàng Anh Duy	HK1	7.8 ₂₂	7.5 ₄₀	8.3 ₃₃	8.6 ₂₆	8.9 ₃₇	10 ₁	6.4 ₅₀	8.2 ₃₆	7.7 ₄₄	8.0 ₃₅	7.4 ₄₉	Đ	Đ	Đ	8.1 ₃₅	1 0	K	T	36	TT	
		HK2	8.1 ₃₃	8.2 ₃₀	8.7 ₃₀	7.8 ₂₉	9.7 ₈	9.9 ₁	7.8 ₂₈	8.8 ₃₆	7.8 ₃₂	7.6 ₃₀	8.1 ₃₉	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₈	0 0	G	T	27	GIOI	
		CN	8.0 ₃₁	8.0 ₃₄	8.6 ₂₉	8.1 ₂₈	9.4 ₂₁	9.9 ₁	7.3 ₄₂	8.6 ₃₄	7.8 ₃₃	7.7 ₃₃	7.9 ₄₃	Đ	Đ	Đ	8.3 ₃₂	1 0	G	T	32	GIOI	L
12	Nguyễn Thuỳ Dương	HK1	8.2 ₉	9.7 ₁	9.8 ₇	9.9 ₁	9.8 ₁	9.7 ₆	8.4 ₁₂	9.0 ₈	9.5 ₇	9.1 ₁₀	9.7 ₃	Đ	Đ	Đ	9.3 ₅	0 0	G	T	5	GIOI	
		HK2	9.0 ₆	9.2 ₃	9.8 ₅	9.8 ₂	9.8 ₁	9.9 ₁	8.3 ₁₅	9.0 ₂₄	9.4 ₆	8.6 ₁₂	9.6 ₅	Đ	Đ	Đ	9.3 ₃	1 0	G	T	3	GIOI	

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả	
12	Nguyễn Thuỳ Dương	CN	8.7 ₈	9.4 ₃	9.8 ₄	9.8 ₂	9.8 ₁	9.8 ₂	8.3 ₁₃	9.0 ₁₈	9.4 ₇	8.8 ₁₂	9.6 ₅	Đ	Đ	Đ	9.3 ₃	1 0	G	T	3	GIOI	L	
13	Trần Quang Đại	HK1	8.0 ₁₅	8.2 ₃₁	9.1 ₁₆	8.9 ₂₄	9.0 ₃₃	9.6 ₁₂	8.6 ₆	8.9 ₁₁	9.2 ₁₄	8.7 ₂₁	9.0 ₂₄	Đ	Đ	Đ	8.8 ₁₇	0 0	G	T	17	GIOI		
		HK2	8.6 ₁₆	8.2 ₃₀	8.6 ₃₃	8.1 ₂₄	9.6 ₁₉	9.5 ₂₄	8.7 ₄	8.6 ₄₁	8.7 ₁₉	8.4 ₁₈	9.5 ₉	Đ	Đ	Đ	8.8 ₂₀	1 0	G	T	20	GIOI		
		CN	8.4 ₁₆	8.2 ₂₈	8.8 ₂₄	8.4 ₂₃	9.4 ₂₁	9.5 ₁₈	8.7 ₂	8.7 ₂₈	8.9 ₁₈	8.5 ₂₀	9.3 ₁₃	Đ	Đ	Đ	8.8 ₁₈	1 0	G	T	18	GIOI	L	
14	Ngô Tấn Đạt	HK1	6.1 ₅₂	7.7 ₃₅	7.6 ₄₆	7.0 ₄₄	8.8 ₄₀	7.4 ₅₂	7.1 ₄₀	7.6 ₄₇	8.0 ₃₈	7.7 ₄₂	7.7 ₄₂	Đ	Đ	Đ	7.5 ₄₇	1 0	K	T	46	TT		
		HK2	7.0 ₅₂	7.8 ₄₀	7.6 ₄₅	7.2 ₃₉	8.4 ₅₁	8.8 ₄₇	7.5 ₄₄	8.3 ₄₅	7.2 ₄₄	7.0 ₃₈	8.6 ₃₁	Đ	Đ	Đ	7.8 ₄₅	0 0	K	T	45	TT		
		CN	6.7 ₅₂	7.8 ₄₁	7.6 ₄₆	7.1 ₄₃	8.5 ₅₀	8.3 ₅₀	7.4 ₄₀	8.1 ₄₅	7.5 ₄₃	7.2 ₃₉	8.3 ₃₆	Đ	Đ	Đ	7.7 ₄₅	1 0	K	T	45	TT	L	
15	Trần Gia Hào	HK1	7.6 ₃₁	9.6 ₃	9.1 ₁₆	9.5 ₈	9.5 ₇	9.6 ₁₂	9.4 ₁	9.4 ₁	9.9 ₁	9.9 ₂	9.6 ₈	Đ	Đ	Đ	9.4 ₂	1 0	G	T	2	GIOI		
		HK2	8.4 ₂₆	9.5 ₁	9.8 ₅	9.4 ₈	9.4 ₃₄	9.9 ₁	8.1 ₂₂	9.6 ₃	9.9 ₁	9.9 ₁	9.6 ₅	Đ	Đ	Đ	9.4 ₁	1 0	G	T	1	GIOI		
		CN	8.1 ₂₇	9.5 ₁	9.6 ₉	9.4 ₇	9.4 ₂₁	9.8 ₂	8.5 ₇	9.5 ₁	9.9 ₁	9.9 ₁	9.6 ₅	Đ	Đ	Đ	9.4 ₁	2 0	G	T	1	GIOI	L	
16	Nguyễn Thị Gia Hân	HK1	7.6 ₃₁	8.7 ₂₂	8.6 ₂₆	9.0 ₂₁	8.8 ₄₀	7.9 ₄₇	7.4 ₃₅	8.0 ₄₃	8.0 ₃₈	8.7 ₂₁	9.6 ₈	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₆	2 0	G	T	26	GIOI		
		HK2	7.9 ₄₀	8.2 ₃₀	8.3 ₃₆	8.1 ₂₄	8.5 ₅₀	9.2 ₃₆	7.8 ₂₈	9.1 ₂₀	8.0 ₃₀	8.6 ₁₂	8.6 ₃₁	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₈	1 0	G	T	27	GIOI		
		CN	7.8 ₃₆	8.4 ₂₄	8.4 ₃₄	8.4 ₂₃	8.6 ₄₉	8.8 ₄₅	7.7 ₂₈	8.7 ₂₈	8.0 ₃₀	8.6 ₁₆	8.9 ₂₄	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₅	3 0	G	T	25	GIOI	L	
17	Nguyễn Thu Hiền	HK1	8.1 ₁₁	7.2 ₄₃	8.0 ₃₈	8.3 ₃₁	9.6 ₅	9.6 ₁₂	8.6 ₆	8.2 ₃₆	7.5 ₄₆	8.7 ₂₁	7.8 ₄₁	Đ	Đ	Đ	8.3 ₂₉	0 0	G	T	29	GIOI		
		HK2	8.8 ₁₂	8.3 ₂₅	9.1 ₂₂	7.3 ₃₇	9.7 ₈	9.1 ₃₉	7.0 ₅₀	9.1 ₂₀	7.7 ₃₃	7.6 ₃₀	8.4 ₃₈	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₈	0 0	G	T	27	GIOI		
		CN	8.6 ₁₁	7.9 ₃₉	8.7 ₂₇	7.6 ₃₃	9.7 ₂	9.3 ₃₂	7.5 ₃₈	8.8 ₂₄	7.6 ₄₀	8.0 ₃₀	8.2 ₃₈	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₅	0 0	G	T	25	GIOI	L	
18	Võ Hồ Minh Hoàng	HK1	7.8 ₂₂	8.3 ₂₇	8.6 ₂₆	9.2 ₁₄	8.7 ₄₃	8.7 ₄₁	7.8 ₂₁	6.9 ₅₂	8.2 ₃₃	8.6 ₂₆	8.7 ₃₀	Đ	Đ	Đ	8.3 ₂₉	4 0	G	T	29	GIOI		
		HK2	7.8 ₄₃	8.0 ₃₇	6.5 ₄₉	7.4 ₃₃	8.7 ₄₉	8.7 ₄₈	7.6 ₃₉	7.7 ₄₉	7.5 ₃₉	7.9 ₂₅	8.7 ₃₀	Đ	Đ	Đ	7.9 ₄₃	0 0	K	T	43	TT		
		CN	7.8 ₃₆	8.1 ₃₁	7.2 ₄₈	8.0 ₃₀	8.7 ₄₈	8.7 ₄₆	7.7 ₂₈	7.4 ₅₁	7.7 ₃₈	8.1 ₂₆	8.7 ₃₀	Đ	Đ	Đ	8.0 ₄₀	4 0	G	T	38	GIOI	L	
19	Bùi Quang Huy	HK1																						
		HK2																						
		CN																						
20	Dương Hoàng Gia Huy	HK1	6.8 ₄₈	7.6 ₃₈	7.9 ₄₀	8.6 ₂₆	8.9 ₃₇	9.5 ₂₃	7.5 ₃₂	8.6 ₂₁	7.2 ₄₈	8.6 ₂₆	9.4 ₁₈	Đ	Đ	Đ	8.2 ₃₄	0 0	K	T	35	TT		
		HK2	8.1 ₃₃	8.3 ₂₅	8.8 ₂₉	8.6 ₁₆	9.7 ₈	8.9 ₄₅	7.0 ₅₀	9.0 ₂₄	6.1 ₅₀	9.4 ₅	9.1 ₁₇	Đ	Đ	Đ	8.5 ₂₄	1 0	K	T	38	TT		
		CN	7.7 ₄₀	8.1 ₃₁	8.5 ₃₁	8.6 ₁₉	9.4 ₂₁	9.1 ₃₇	7.2 ₄₄	8.9 ₁₉	6.5 ₅₀	9.1 ₆	9.2 ₁₅	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₅	1 0	G	T	25	GIOI	L	
21	Đình Thu Hương	HK1	7.7 ₂₉	8.8 ₁₈	8.6 ₂₆	9.2 ₁₄	9.2 ₂₁	8.7 ₄₁	7.7 ₂₅	9.3 ₃	8.7 ₂₄	8.3 ₃₀	9.7 ₃	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₀	5 0	G	T	20	GIOI		
		HK2	8.5 ₂₀	8.9 ₁₀	9.8 ₅	8.6 ₁₆	9.7 ₈	9.7 ₁₂	8.1 ₂₂	9.3 ₉	8.1 ₂₈	8.0 ₂₃	9.3 ₁₁	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₇	1 0	G	T	17	GIOI		
		CN	8.2 ₂₄	8.9 ₁₀	9.4 ₁₅	8.8 ₁₇	9.5 ₁₂	9.4 ₂₈	8.0 ₂₂	9.3 ₄	8.3 ₂₆	8.1 ₂₆	9.4 ₈	Đ	Đ	Đ	8.8 ₁₈	6 0	G	T	18	GIOI	L	
22	Luu Gia Khánh	HK1	7.9 ₁₇	8.9 ₁₅	9.0 ₁₉	9.2 ₁₄	9.1 ₂₈	9.2 ₃₆	7.8 ₂₁	7.8 ₄₆	9.6 ₄	8.6 ₂₆	9.1 ₂₃	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₀	3 0	G	T	20	GIOI		
		HK2	8.5 ₂₀	8.1 ₃₅	8.3 ₃₆	9.5 ₅	9.7 ₈	9.8 ₁₀	7.6 ₃₉	8.9 ₂₉	9.4 ₆	9.7 ₂	9.6 ₅	Đ	Đ	Đ	9.0 ₁₅	2 0	G	T	15	GIOI		
		CN	8.3 ₁₈	8.4 ₂₄	8.5 ₃₁	9.4 ₇	9.5 ₁₂	9.6 ₁₄	7.7 ₂₈	8.5 ₄₀	9.5 ₄	9.3 ₄	9.4 ₈	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₅	5 0	G	T	15	GIOI	L	
23	Trần Anh Khoa	HK1	7.2 ₄₁	6.5 ₄₆	7.8 ₄₂	6.8 ₄₆	8.7 ₄₃	8.6 ₄₃	7.3 ₃₈	8.3 ₃₀	9.3 ₁₃	8.9 ₁₆	7.7 ₄₂	Đ	Đ	Đ	7.9 ₃₉	0 0	K	T	39	TT		
		HK2	7.4 ₄₉	7.4 ₄₄	8.0 ₄₀	7.5 ₃₂	9.7 ₈	9.0 ₄₂	7.6 ₃₉	9.0 ₂₄	9.3 ₉	8.0 ₂₃	8.9 ₂₄	Đ	Đ	Đ	8.3 ₃₃	0 0	K	T	39	TT		
		CN	7.3 ₄₆	7.1 ₄₄	7.9 ₄₃	7.3 ₃₈	9.4 ₂₁	8.9 ₄₂	7.5 ₃₈	8.8 ₂₄	9.3 ₁₀	8.3 ₂₃	8.5 ₃₅	Đ	Đ	Đ	8.2 ₃₅	0 0	K	T	41	TT	L	
24	Nguyễn Anh Khôi	HK1	6.8 ₄₈	8.5 ₂₅	8.9 ₂₁	7.9 ₃₆	9.3 ₁₄	9.3 ₃₀	7.4 ₃₅	8.3 ₃₀	7.2 ₄₈	7.7 ₄₂	8.1 ₃₈	Đ	Đ	Đ	8.1 ₃₅	0 0	G	T	33	GIOI		
		HK2	8.3 ₂₉	7.7 ₄₁	9.7 ₁₁	7.4 ₃₃	9.2 ₄₂	9.6 ₁₉	7.8 ₂₈	8.4 ₄₃	7.1 ₄₆	6.9 ₄₀	9.0 ₁₉	Đ	Đ	Đ	8.3 ₃₃	0 0	G	T	32	GIOI		
		CN	7.8 ₃₆	8.0 ₃₄	9.4 ₁₅	7.6 ₃₃	9.2 ₃₆	9.5 ₁₈	7.7 ₂₈	8.4 ₄₁	7.1 ₄₇	7.2 ₃₉	8.7 ₃₀	Đ	Đ	Đ	8.2 ₃₅	0 0	G	T	34	GIOI	L	
25	Trương Thế Kiệt	HK1	7.3 ₃₉	8.1 ₃₂	7.8 ₄₂	6.9 ₄₅	8.2 ₄₈	8.6 ₄₃	7.3 ₃₈	8.3 ₃₀	7.2 ₄₈	7.7 ₄₂	6.6 ₅₂	Đ	Đ	Đ	7.6 ₄₆	4 0	K	T	45	TT		
		HK2	7.1 ₅₁	7.9 ₃₉	7.7 ₄₄	7.3 ₃₇	9.4 ₃₄	9.3 ₃₅	7.1 ₄₉	8.8 ₃₆	6.6 ₄₈	6.0 ₅₁	7.5 ₄₉	Đ	Đ	Đ	7.7 ₄₈	0 0	K	T	48	TT		
		CN	7.2 ₄₉	8.0 ₃₄	7.7 ₄₅	7.2 ₄₁	9.0 ₄₅	9.1 ₃₇	7.2 ₄₄	8.6 ₃₄	6.8 ₄₈	6.6 ₅₀	7.2 ₅₂	Đ	Đ	Đ	7.7 ₄₅	4 0	K	T	45	TT	L	

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
26	Lê Thế Kỳ	HK1	7.9 ¹⁷	8.8 ¹⁸	8.2 ³⁴	9.6 ⁵	9.1 ²⁸	9.6 ¹²	7.9 ¹⁶	8.9 ¹¹	8.3 ³⁰	9.4 ⁷	7.6 ⁴⁶	Đ	Đ	Đ	8.7 ²⁰	3 0	G	T	20	GIOI	
		HK2	8.3 ²⁹	8.2 ³⁰	8.0 ⁴⁰	9.2 ⁹	9.3 ³⁹	9.4 ²⁷	8.3 ¹⁵	7.5 ⁵¹	7.2 ⁴⁴	8.4 ¹⁸	7.5 ⁴⁹	Đ	Đ	Đ	8.3 ³³	2 0	G	T	32	GIOI	
		CN	8.2 ²⁴	8.4 ²⁴	8.1 ³⁸	9.3 ⁹	9.2 ³⁶	9.5 ¹⁸	8.2 ¹⁸	8.0 ⁴⁷	7.6 ⁴⁰	8.7 ¹³	7.5 ⁵⁰	Đ	Đ	Đ	8.4 ²⁵	5 0	G	T	25	GIOI	L
27	Hàng Khánh Linh	HK1	7.6 ³¹	5.7 ⁵¹	7.5 ⁴⁷	8.1 ³⁵	9.0 ³³	9.4 ²⁷	7.6 ²⁸	8.4 ²⁵	7.0 ³¹	7.9 ³⁷	8.5 ³⁴	Đ	Đ	Đ	7.9 ³⁹	3 0	K	T	39	TT	
		HK2	8.6 ¹⁶	7.0 ⁴⁶	9.0 ²⁴	6.8 ⁴⁴	9.6 ¹⁹	9.1 ³⁹	7.8 ²⁸	9.2 ¹⁸	6.6 ⁴⁸	6.9 ⁴⁰	8.8 ²⁸	Đ	Đ	Đ	8.1 ³⁹	0 0	G	T	36	GIOI	
		CN	8.3 ¹⁸	6.6 ⁴⁷	8.5 ³¹	7.2 ⁴¹	9.4 ²¹	9.2 ³⁴	7.7 ²⁸	8.9 ¹⁹	6.7 ⁴⁹	7.2 ³⁹	8.7 ³⁰	Đ	Đ	Đ	8.0 ⁴⁰	3 0	G	T	38	GIOI	L
28	Lê Khánh Linh	HK1	7.2 ⁴¹	6.4 ⁴⁷	5.9 ⁵²	6.6 ⁴⁸	7.8 ⁵³	7.8 ⁴⁹	5.6 ⁵²	8.3 ³⁰	6.7 ⁵²	7.1 ⁵⁰	8.5 ³⁴	Đ	Đ	Đ	7.1 ⁵¹	1 0	K	T	50	TT	
		HK2	8.1 ³³	6.9 ⁴⁷	7.5 ⁴⁷	5.9 ⁴⁹	9.8 ¹	9.4 ²⁷	7.6 ³⁹	8.7 ⁴⁰	6.1 ⁵⁰	6.7 ⁴⁴	8.1 ³⁹	Đ	Đ	Đ	7.7 ⁴⁸	0 0	K	T	48	TT	
		CN	7.8 ³⁶	6.7 ⁴⁶	7.0 ⁴⁹	6.1 ⁴⁹	9.1 ⁴²	8.9 ⁴²	6.9 ⁵¹	8.6 ³⁴	6.3 ⁵¹	6.8 ⁴⁶	8.2 ³⁸	Đ	Đ	Đ	7.5 ⁵⁰	1 0	K	T	50	TT	L
29	Lê Hoàng Nam	HK1	7.5 ³⁵	7.5 ⁴⁰	8.1 ³⁵	9.4 ⁹	8.9 ³⁷	9.1 ³⁷	7.4 ³⁵	8.2 ³⁶	8.1 ³⁶	8.2 ³¹	9.4 ¹⁸	Đ	Đ	Đ	8.3 ²⁹	2 0	K	T	34	TT	
		HK2	8.2 ³²	8.3 ²⁵	7.9 ⁴³	7.9 ²⁷	9.5 ²⁷	9.7 ¹²	7.9 ²⁵	9.3 ⁹	8.5 ²³	7.2 ³⁵	8.6 ³¹	Đ	Đ	Đ	8.5 ²⁴	0 0	G	T	24	GIOI	
		CN	8.0 ³¹	8.0 ³⁴	8.0 ⁴¹	8.4 ²³	9.3 ³¹	9.5 ¹⁸	7.7 ²⁸	8.9 ¹⁹	8.4 ²³	7.5 ³⁵	8.9 ²⁴	Đ	Đ	Đ	8.4 ²⁵	2 0	G	T	25	GIOI	L
30	Lê Phương Uyên Nhi	HK1	8.9 ²	8.6 ²⁴	9.4 ¹⁰	9.3 ¹³	9.6 ⁵	9.7 ⁶	8.8 ⁴	8.5 ²³	9.2 ¹⁴	9.1 ¹⁰	9.6 ⁸	Đ	Đ	Đ	9.2 ⁷	0 0	G	T	7	GIOI	
		HK2	9.0 ⁶	9.0 ⁷	9.7 ¹¹	8.7 ¹⁵	9.8 ¹	9.9 ¹	8.7 ⁴	9.0 ²⁴	9.2 ¹²	8.1 ²²	9.6 ⁵	Đ	Đ	Đ	9.2 ⁷	0 0	G	T	7	GIOI	
		CN	9.0 ²	8.9 ¹⁰	9.6 ⁹	8.9 ¹⁶	9.7 ²	9.8 ²	8.7 ²	8.8 ²⁴	9.2 ¹³	8.4 ²²	9.6 ⁵	Đ	Đ	Đ	9.1 ⁹	0 0	G	T	9	GIOI	L
31	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	HK1	8.2 ⁹	8.9 ¹⁵	8.9 ²¹	8.3 ³¹	9.1 ²⁸	9.8 ²	8.0 ¹⁵	8.8 ¹⁸	9.2 ¹⁴	9.0 ¹³	8.8 ²⁹	Đ	Đ	Đ	8.8 ¹⁷	0 0	G	T	17	GIOI	
		HK2	9.0 ⁶	8.7 ¹⁷	8.7 ³⁰	8.6 ¹⁶	9.4 ³⁴	9.6 ¹⁹	7.8 ²⁸	9.2 ¹⁸	9.0 ¹⁵	7.8 ²⁸	9.3 ¹¹	Đ	Đ	Đ	8.8 ²⁰	0 0	G	T	20	GIOI	
		CN	8.7 ⁸	8.8 ¹⁴	8.8 ²⁴	8.5 ²⁰	9.3 ³¹	9.7 ¹¹	7.9 ²⁵	9.1 ¹⁵	9.1 ¹⁵	8.2 ²⁴	9.1 ¹⁹	Đ	Đ	Đ	8.8 ¹⁸	0 0	G	T	18	GIOI	L
32	Trương Nguyễn Yến Nhi	HK1	8.4 ⁶	9.1 ⁷	9.5 ⁸	9.9 ¹	9.4 ¹⁰	9.5 ²³	8.4 ¹²	7.9 ⁴⁴	9.1 ¹⁹	8.8 ¹⁸	9.3 ²⁰	Đ	Đ	Đ	9.0 ¹²	0 0	G	T	12	GIOI	
		HK2	8.9 ¹⁰	9.2 ³	10 ¹	9.9 ¹	9.6 ¹⁹	9.9 ¹	8.3 ¹⁵	8.9 ²⁹	8.4 ²⁴	7.9 ²⁵	9.2 ¹⁴	Đ	Đ	Đ	9.1 ¹²	0 0	G	T	12	GIOI	
		CN	8.7 ⁸	9.2 ⁵	9.8 ⁴	9.9 ¹	9.5 ¹²	9.8 ²	8.3 ¹³	8.6 ³⁴	8.6 ²²	8.2 ²⁴	9.2 ¹⁵	Đ	Đ	Đ	9.1 ⁹	0 0	G	T	9	GIOI	L
33	Huỳnh Tuyết Như	HK1	7.4 ³⁷	8.3 ²⁷	8.0 ³⁸	8.2 ³³	9.1 ²⁸	9.6 ¹²	7.8 ²¹	8.4 ²⁵	8.1 ³⁶	7.7 ⁴²	8.9 ²⁷	Đ	Đ	Đ	8.3 ²⁹	0 0	G	T	29	GIOI	
		HK2	8.5 ²⁰	8.4 ²⁴	8.9 ²⁵	7.1 ⁴²	9.7 ⁸	9.0 ⁴²	8.6 ⁹	8.9 ²⁹	8.2 ²⁶	6.9 ⁴⁰	9.1 ¹⁷	Đ	Đ	Đ	8.5 ²⁴	0 0	G	T	24	GIOI	
		CN	8.1 ²⁷	8.4 ²⁴	8.6 ²⁹	7.5 ³⁵	9.5 ¹²	9.2 ³⁴	8.3 ¹³	8.7 ²⁸	8.2 ²⁹	7.2 ³⁹	9.0 ²³	Đ	Đ	Đ	8.4 ²⁵	0 0	G	T	25	GIOI	L
34	Nguyễn Phạm Quỳnh Như	HK1	8.3 ⁷	9.1 ⁷	9.9 ³	9.1 ¹⁸	9.7 ²	9.8 ²	7.9 ¹⁶	9.1 ⁴	9.4 ¹⁰	9.0 ¹³	9.7 ³	Đ	Đ	Đ	9.2 ⁷	0 0	G	T	7	GIOI	
		HK2	9.0 ⁶	8.6 ²⁰	10 ¹	9.2 ⁹	9.6 ¹⁹	9.8 ¹⁰	8.5 ¹¹	9.4 ⁴	9.5 ⁴	8.5 ¹⁶	8.8 ²⁸	Đ	Đ	Đ	9.2 ⁷	0 0	G	T	7	GIOI	
		CN	8.8 ⁶	8.8 ¹⁴	10 ¹	9.2 ¹¹	9.6 ⁷	9.8 ²	8.3 ¹³	9.3 ⁴	9.5 ⁴	8.7 ¹³	9.1 ¹⁹	Đ	Đ	Đ	9.2 ⁷	0 0	G	T	7	GIOI	L
35	Đỗ Dy Niên	HK1	7.2 ⁴¹	7.2 ⁴³	8.4 ³¹	6.7 ⁴⁷	9.3 ¹⁴	8.5 ⁴⁵	6.9 ⁴⁵	8.4 ²⁵	7.9 ⁴¹	7.8 ⁴⁰	7.7 ⁴²	Đ	Đ	Đ	7.8 ⁴³	0 0	K	T	43	TT	
		HK2	8.0 ³⁸	7.7 ⁴¹	8.9 ²⁵	6.2 ⁴⁶	9.1 ⁴⁵	9.5 ²⁴	7.9 ²⁵	9.7 ¹	7.7 ³³	6.6 ⁴⁶	7.5 ⁴⁹	Đ	Đ	Đ	8.1 ³⁹	0 0	K	T	41	TT	
		CN	7.7 ⁴⁰	7.5 ⁴²	8.7 ²⁷	6.4 ⁴⁷	9.2 ³⁶	9.2 ³⁴	7.6 ³⁶	9.3 ⁴	7.8 ³³	7.0 ⁴⁵	7.6 ⁴⁸	Đ	Đ	Đ	8.0 ⁴⁰	0 0	K	T	42	TT	L
36	Đỗ Thiên Phú	HK1	7.8 ²²	9.0 ¹¹	9.0 ¹⁹	9.6 ⁵	9.5 ⁷	9.7 ⁶	7.9 ¹⁶	9.1 ⁴	9.4 ¹⁰	9.3 ⁸	9.5 ¹³	Đ	Đ	Đ	9.1 ⁹	0 0	G	T	9	GIOI	
		HK2	8.5 ²⁰	8.6 ²⁰	9.9 ⁴	9.1 ¹²	9.8 ¹	9.7 ¹²	8.4 ¹²	9.3 ⁹	9.4 ⁶	8.9 ⁹	9.2 ¹⁴	Đ	Đ	Đ	9.2 ⁷	0 0	G	T	7	GIOI	
		CN	8.3 ¹⁸	8.7 ¹⁸	9.6 ⁹	9.3 ⁹	9.7 ²	9.7 ¹¹	8.2 ¹⁸	9.2 ⁷	9.4 ⁷	9.0 ¹⁰	9.3 ¹³	Đ	Đ	Đ	9.1 ⁹	0 0	G	T	9	GIOI	L
37	Lâm Quê Phương	HK1	8.1 ¹¹	8.1 ³²	9.3 ¹²	8.5 ²⁹	9.3 ¹⁴	9.6 ¹²	7.5 ³²	8.9 ¹¹	8.4 ²⁸	8.7 ²¹	9.8 ²	Đ	Đ	Đ	8.7 ²⁰	2 0	G	T	20	GIOI	
		HK2	8.5 ²⁰	8.3 ²⁵	9.2 ²⁰	8.2 ²²	9.8 ¹	9.6 ¹⁹	7.8 ²⁸	9.3 ⁹	8.2 ²⁶	8.6 ¹²	9.9 ¹	Đ	Đ	Đ	8.9 ¹⁷	0 0	G	T	17	GIOI	
		CN	8.4 ¹⁶	8.2 ²⁸	9.2 ²⁰	8.3 ²⁶	9.6 ⁷	9.6 ¹⁴	7.7 ²⁸	9.2 ⁷	8.3 ²⁶	8.6 ¹⁶	9.9 ¹	Đ	Đ	Đ	8.8 ¹⁸	2 0	G	T	18	GIOI	L
38	Trần Bảo Phương	HK1	7.8 ²²	7.7 ³⁵	7.4 ⁴⁹	6.0 ⁵¹	8.5 ⁴⁶	9.0 ³⁸	5.6 ⁵²	8.5 ²³	7.4 ⁴⁷	7.2 ⁴⁹	7.7 ⁴²	Đ	Đ	Đ	7.5 ⁴⁷	0 0	K	T	46	TT	
		HK2	8.6 ¹⁶	8.2 ³⁰	6.5 ⁴⁹	7.2 ³⁹	9.5 ²⁷	9.7 ¹²	7.9 ²⁵	7.6 ⁵⁰	7.7 ³³	6.4 ⁴⁸	8.1 ³⁹	Đ	Đ	Đ	7.9 ⁴³	0 0	K	T	43	TT	
		CN	8.3 ¹⁸	8.0 ³⁴	6.8 ⁵⁰	6.8 ⁴⁴	9.2 ³⁶	9.5 ¹⁸	7.1 ⁴⁹	7.9 ⁴⁹	7.6 ⁴⁰	6.7 ⁴⁸	8.0 ⁴²	Đ	Đ	Đ	7.8 ⁴⁴	0 0	K	T	44	TT	L
39	Trần Đức Quang	HK1	7.0 ⁴⁶	8.8 ¹⁸	8.7 ²⁴	9.0 ²¹	8.5 ⁴⁶	9.3 ³⁰	6.9 ⁴⁵	8.1 ⁴⁰	8.5 ²⁶	8.7 ²¹	8.3 ³⁶	Đ	Đ	Đ	8.3 ²⁹	1 0	G	T	29	GIOI	

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
39	Trần Đức Quang	HK2	7.5 ₄₇	8.7 ₁₇	9.3 ₁₉	8.0 ₂₆	9.0 ₄₆	8.9 ₄₅	8.7 ₄	9.0 ₂₄	7.3 ₄₂	7.8 ₂₈	8.1 ₃₉	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₈	0 0	G	T	27	GIOI	
		CN	7.3 ₄₆	8.7 ₁₈	9.1 ₂₁	8.3 ₂₆	8.8 ₄₇	9.0 ₄₁	8.1 ₂₀	8.7 ₂₈	7.7 ₃₈	8.1 ₂₆	8.2 ₃₈	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₅	1 0	G	T	25	GIOI	L
40	Phạm Huỳnh Ngọc Quý	HK1	8.1 ₁₁	8.3 ₂₇	9.1 ₁₆	7.1 ₄₂	9.2 ₂₁	9.3 ₃₀	7.6 ₂₈	8.6 ₂₁	7.8 ₄₃	8.1 ₃₃	9.0 ₂₄	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₆	1 0	G	T	26	GIOI	
		HK2	8.4 ₂₆	8.6 ₂₀	8.9 ₂₅	6.1 ₄₈	9.7 ₈	9.0 ₄₂	8.7 ₄	9.1 ₂₀	7.4 ₄₀	6.7 ₄₄	8.9 ₂₄	Đ	Đ	Đ	8.3 ₃₃	0 0	K	T	39	TT	
41	Phạm Từ Duy Tân	CN	8.3 ₁₈	8.5 ₂₃	9.0 ₂₂	6.4 ₄₇	9.5 ₁₂	9.1 ₃₇	8.3 ₁₃	8.9 ₁₉	7.5 ₄₃	7.2 ₃₉	8.9 ₂₄	Đ	Đ	Đ	8.3 ₃₂	1 0	K	T	40	TT	L
		HK1	7.4 ₃₇	8.7 ₂₂	8.8 ₂₃	7.9 ₃₆	9.4 ₁₀	9.4 ₂₇	7.8 ₂₁	8.2 ₃₆	8.8 ₂₃	8.8 ₁₈	8.7 ₃₀	Đ	Đ	Đ	8.5 ₂₅	0 0	G	T	25	GIOI	
42	Võ Thu Thanh	HK2	7.9 ₄₀	8.7 ₁₇	9.1 ₂₂	7.8 ₂₉	9.5 ₂₇	9.4 ₂₇	8.1 ₂₂	8.9 ₂₉	8.6 ₂₁	7.3 ₃₄	8.6 ₃₁	Đ	Đ	Đ	8.5 ₂₄	0 0	G	T	24	GIOI	
		CN	7.7 ₄₀	8.7 ₁₈	9.0 ₂₂	7.8 ₃₁	9.5 ₁₂	9.4 ₂₈	8.0 ₂₂	8.7 ₂₈	8.7 ₂₁	7.8 ₃₁	8.6 ₃₄	Đ	Đ	Đ	8.5 ₂₄	0 0	G	T	24	GIOI	L
43	Đặng Hồng Thư	HK1	8.6 ₃	9.6 ₃	9.9 ₃	9.4 ₉	9.7 ₂	9.7 ₆	9.1 ₂	8.9 ₁₁	9.6 ₄	9.0 ₁₃	9.6 ₈	Đ	Đ	Đ	9.4 ₂	0 0	G	T	2	GIOI	
		HK2	9.1 ₃	9.1 ₆	9.7 ₁₁	9.5 ₅	9.7 ₈	9.6 ₁₉	8.9 ₁	9.3 ₉	9.1 ₁₃	9.1 ₆	9.0 ₁₉	Đ	Đ	Đ	9.3 ₃	0 0	G	T	3	GIOI	
44	Đặng Toàn Minh Thư	CN	8.9 ₄	9.3 ₄	9.8 ₄	9.5 ₄	9.7 ₂	9.6 ₁₄	9.0 ₁	9.2 ₇	9.3 ₁₀	9.1 ₆	9.2 ₁₅	Đ	Đ	Đ	9.3 ₃	0 0	G	T	3	GIOI	L
		HK1	8.6 ₃	9.1 ₇	9.9 ₃	9.4 ₉	9.7 ₂	9.8 ₂	8.5 ₁₁	8.9 ₁₁	9.2 ₁₄	9.5 ₅	9.7 ₃	Đ	Đ	Đ	9.3 ₅	0 0	G	T	5	GIOI	
45	Nguyễn Bá Thy	HK2	9.1 ₃	8.9 ₁₀	9.8 ₅	9.5 ₅	9.7 ₈	9.4 ₂₇	7.8 ₂₈	9.4 ₄	8.9 ₁₇	9.6 ₄	9.8 ₂	Đ	Đ	Đ	9.3 ₃	0 0	G	T	3	GIOI	
		CN	8.9 ₄	9.0 ₈	9.8 ₄	9.5 ₄	9.7 ₂	9.5 ₁₈	8.0 ₂₂	9.2 ₇	9.0 ₁₇	9.6 ₃	9.8 ₂	Đ	Đ	Đ	9.3 ₃	0 0	G	T	3	GIOI	L
46	Lê Thành Tín	HK1	7.9 ₁₇	9.1 ₇	9.9 ₃	9.6 ₅	9.2 ₂₁	9.6 ₁₂	8.6 ₆	8.9 ₁₁	9.2 ₁₄	8.9 ₁₆	9.6 ₈	Đ	Đ	Đ	9.1 ₉	0 0	G	T	9	GIOI	
		HK2	8.8 ₁₂	8.8 ₁₂	9.7 ₁₁	8.9 ₁₃	9.6 ₁₉	9.4 ₂₇	8.3 ₁₅	9.4 ₄	8.7 ₁₉	8.6 ₁₂	9.7 ₄	Đ	Đ	Đ	9.1 ₁₂	0 0	G	T	12	GIOI	
47	Nguyễn Ngọc Thanh Trang	CN	8.5 ₁₃	8.9 ₁₀	9.8 ₄	9.1 ₁₃	9.5 ₁₂	9.5 ₁₈	8.4 ₁₀	9.2 ₇	8.9 ₁₈	8.7 ₁₃	9.7 ₃	Đ	Đ	Đ	9.1 ₉	0 0	G	T	9	GIOI	L
		HK1	6.8 ₄₈	5.4 ₅₂	7.7 ₄₄	7.1 ₄₂	8.2 ₄₈	6.9 ₅₃	6.0 ₅₁	7.5 ₄₉	8.3 ₃₀	7.9 ₃₇	8.0 ₄₀	Đ	Đ	Đ	7.3 ₅₀	1 0	K	T	49	TT	
48	Từ Minh Trí	HK2	7.8 ₄₃	6.8 ₄₉	8.0 ₄₀	7.4 ₃₃	9.5 ₂₇	9.1 ₃₉	7.8 ₂₈	8.9 ₂₉	7.6 ₃₆	7.0 ₃₈	7.6 ₄₈	Đ	Đ	Đ	8.0 ₄₂	0 0	K	T	42	TT	
		CN	7.5 ₄₄	6.3 ₅₀	7.9 ₄₃	7.3 ₃₈	9.1 ₄₂	8.4 ₄₈	7.2 ₄₄	8.4 ₄₁	7.8 ₃₃	7.3 ₃₈	7.7 ₄₆	Đ	Đ	Đ	7.7 ₄₅	1 0	K	T	45	TT	L
49	Lê Thị Phương Trinh	HK1	6.9 ₄₇	8.8 ₁₈	9.4 ₁₀	9.4 ₉	9.2 ₂₁	9.6 ₁₂	7.6 ₂₈	8.8 ₁₈	9.6 ₄	9.5 ₅	9.5 ₁₃	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₅	0 0	G	T	15	GIOI	
		HK2	7.7 ₄₅	8.8 ₁₂	9.2 ₂₀	8.9 ₁₃	9.5 ₂₇	9.7 ₁₂	7.8 ₂₈	8.9 ₂₉	9.5 ₄	8.9 ₉	8.9 ₂₄	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₇	1 0	G	T	17	GIOI	
50	Lê Nguyễn Phương Uyên	CN	7.4 ₄₅	8.8 ₁₄	9.3 ₁₈	9.1 ₁₃	9.4 ₂₁	9.7 ₁₁	7.7 ₂₈	8.9 ₁₉	9.5 ₄	9.1 ₆	9.1 ₁₉	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₅	1 0	G	T	15	GIOI	L
		HK1	8.0 ₁₅	6.0 ₄₈	7.9 ₄₀	7.8 ₃₈	9.3 ₁₄	9.4 ₂₇	7.5 ₃₂	8.7 ₂₀	8.0 ₃₈	7.7 ₄₂	7.5 ₄₈	Đ	Đ	Đ	8.0 ₃₈	0 0	K	T	38	TT	
51	Nguyễn Thanh Vân	HK2	7.9 ₄₀	6.7 ₅₀	8.2 ₃₈	6.2 ₄₆	9.2 ₄₂	9.4 ₂₇	7.4 ₄₅	8.8 ₃₆	7.3 ₄₂	7.2 ₃₅	7.9 ₄₆	Đ	Đ	Đ	7.8 ₄₅	0 0	K	T	45	TT	
		CN	7.9 ₃₄	6.5 ₄₉	8.1 ₃₈	6.7 ₄₅	9.2 ₃₆	9.4 ₂₈	7.4 ₄₀	8.8 ₂₄	7.5 ₄₃	7.4 ₃₆	7.8 ₄₅	Đ	Đ	Đ	7.9 ₄₃	0 0	K	T	43	TT	L
52	Nguyễn Ngọc Thanh Vy	HK1	7.5 ₃₅	8.4 ₂₆	8.7 ₂₄	8.2 ₃₃	8.7 ₄₃	9.3 ₃₀	6.7 ₄₇	8.4 ₂₅	9.0 ₂₁	8.1 ₃₃	9.3 ₂₀	Đ	Đ	Đ	8.4 ₂₆	0 0	G	T	26	GIOI	
		HK2	8.1 ₃₃	8.1 ₃₅	7.6 ₄₅	6.9 ₄₃	9.3 ₃₉	8.3 ₅₀	7.4 ₄₅	8.0 ₄₆	8.1 ₂₈	8.9 ₉	8.6 ₃₁	Đ	Đ	Đ	8.1 ₃₉	0 0	G	T	36	GIOI	
53	Lê Thị Phương Trinh	CN	7.9 ₃₄	8.2 ₂₈	8.0 ₄₁	7.3 ₃₈	9.1 ₄₂	8.6 ₄₇	7.2 ₄₄	8.1 ₄₅	8.4 ₂₃	8.6 ₁₆	8.8 ₂₈	Đ	Đ	Đ	8.2 ₃₅	0 0	G	T	34	GIOI	L
		HK1	7.9 ₁₇	7.0 ₄₅	7.4 ₄₉	8.4 ₃₀	9.0 ₃₃	7.9 ₄₇	7.1 ₄₀	7.4 ₅₀	8.6 ₂₅	7.9 ₃₇	8.6 ₃₂	Đ	Đ	Đ	7.9 ₃₉	0 0	K	T	39	TT	
54	Lê Nguyễn Phương Uyên	HK2	8.8 ₁₂	7.2 ₄₅	8.9 ₂₅	7.9 ₂₇	9.4 ₃₄	8.6 ₄₉	7.3 ₄₇	8.6 ₄₁	7.4 ₄₀	7.5 ₃₃	8.1 ₃₉	Đ	Đ	Đ	8.2 ₃₈	0 0	G	T	35	GIOI	
		CN	8.5 ₁₃	7.1 ₄₄	8.4 ₃₄	8.1 ₂₈	9.3 ₃₁	8.4 ₄₈	7.2 ₄₄	8.2 ₄₄	7.8 ₃₃	7.6 ₃₄	8.3 ₃₆	Đ	Đ	Đ	8.1 ₃₉	0 0	G	T	37	GIOI	L
55	Nguyễn Thanh Vân	HK1	8.3 ₇	9.0 ₁₁	9.5 ₈	9.1 ₁₈	9.4 ₁₀	9.5 ₂₃	7.9 ₁₆	9.0 ₈	8.9 ₂₂	8.8 ₁₈	9.5 ₁₃	Đ	Đ	Đ	9.0 ₁₂	3 0	G	T	12	GIOI	
		HK2	9.1 ₃	8.8 ₁₂	9.5 ₁₈	9.7 ₃	9.6 ₁₉	9.9 ₁	8.7 ₄	9.1 ₂₀	8.9 ₁₇	8.3 ₂₀	9.3 ₁₁	Đ	Đ	Đ	9.2 ₇	0 0	G	T	7	GIOI	
56	Nguyễn Ngọc Thanh Vy	CN	8.8 ₆	8.9 ₁₀	9.5 ₁₄	9.5 ₄	9.5 ₁₂	9.8 ₂	8.4 ₁₀	9.1 ₁₅	8.9 ₁₈	8.5 ₂₀	9.4 ₈	Đ	Đ	Đ	9.1 ₉	3 0	G	T	9	GIOI	L
		HK1	9.4 ₁	9.4 ₅	10 ₁	9.9 ₁	9.3 ₁₄	9.7 ₆	7.7 ₂₅	8.9 ₁₁	9.9 ₁	9.6 ₄	9.9 ₁	Đ	Đ	Đ	9.4 ₂	0 0	G	T	2	GIOI	
57	Nguyễn Ngọc Thanh Vy	HK2	9.5 ₁	9.0 ₇	9.8 ₅	8.5 ₂₀	9.8 ₁	9.9 ₁	8.9 ₁	9.3 ₉	9.9 ₁	8.5 ₁₆	9.2 ₁₄	Đ	Đ	Đ	9.3 ₃	0 0	G	T	3	GIOI	
		CN	9.5 ₁	9.1 ₇	9.9 ₃	9.0 ₁₅	9.6 ₇	9.8 ₂	8.5 ₇	9.2 ₇	9.9 ₁	8.9 ₁₁	9.4 ₈	Đ	Đ	Đ	9.3 ₃	0 0	G	T	3	GIOI	L
58	Nguyễn Ngọc Thanh Vy	HK1	8.5 ₅	9.7 ₁	10 ₁	9.8 ₄	9.5 ₇	9.7 ₆	9.1 ₂	9.4 ₁	9.5 ₇	10 ₁	9.7 ₃	Đ	Đ	Đ	9.5 ₁	0 0	G	T	1	GIOI	
		HK2	9.3 ₂	9.4 ₂	10 ₁	9.6 ₄	9.6 ₁₉	9.9 ₁	8.4 ₁₂	9.4 ₄	9.3 ₉	9.0 ₈	9.0 ₁₉	Đ	Đ	Đ	9.4 ₁	0 0	G	T	1	GIOI	

TT	Họ và tên	HK	Ngữ văn	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	ĐTB	Nghỉ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	XH	Danh hiệu	Kết quả
52	Nguyễn Ngọc Thanh Vy	CN	9.0 ₂	9.5 ₁	10 ₁	9.7 ₃	9.6 ₇	9.8 ₂	8.6 ₅	9.4 ₃	9.4 ₇	9.3 ₄	9.2 ₁₅	Đ	Đ	Đ	9.4 ₁	0 0	G	T	1	GIOI	L
53	Nguyễn Tường Vy	HK1	7.8 ₂₂	8.3 ₂₇	8.6 ₂₆	8.9 ₂₄	9.0 ₃₃	8.8 ₃₉	8.6 ₆	8.4 ₂₅	9.4 ₁₀	8.6 ₂₆	8.9 ₂₇	Đ	Đ	Đ	8.7 ₂₀	0 0	G	T	20	GIOI	
		HK2	8.8 ₁₂	8.8 ₁₂	9.8 ₅	8.3 ₂₁	9.4 ₃₄	9.7 ₁₂	8.6 ₉	9.4 ₄	9.3 ₉	7.9 ₂₅	8.9 ₂₄	Đ	Đ	Đ	9.0 ₁₅	0 0	G	T	15	GIOI	
		CN	8.5 ₁₃	8.6 ₂₂	9.4 ₁₅	8.5 ₂₀	9.3 ₃₁	9.4 ₂₈	8.6 ₅	9.1 ₁₅	9.3 ₁₀	8.1 ₂₆	8.9 ₂₄	Đ	Đ	Đ	8.9 ₁₅	0 0	G	T	15	GIOI	L

Số ngày nghỉ có phép:	53	Hạnh kiểm:	Học lực:	Danh hiệu:
Số ngày nghỉ không phép:	0	- Tốt: 50	- Giỏi: 39	- Giỏi: 39
		- Khá: 2	- Khá: 12	- Tiên tiến: 12
		- Trung bình: 0	- Trung bình: 1	
		- Yếu: 0	- Yếu: 0	
			- Kém: 0	

Ngày..... tháng..... năm
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
(chữ ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm
HIỆU TRƯỞNG
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)